

CÔNG TY CỔ PHẦN HẠ TẦNG
NƯỚC SÀI GÒN

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc

TP. Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 08 năm 2023

Số: 209 /2023/SGW

**CÔNG BỐ THÔNG TIN TRÊN CÔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ CỦA
ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC VÀ SỞ GIAO DỊCH
CHỨNG KHOÁN HÀ NỘI**

Kính gửi: - Ủy Ban Chứng khoán Nhà nước
- Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội

V/v: Công bố Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đã được soát xét cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc tại ngày 30/06/2023.

CÔNG TY CỔ PHẦN HẠ TẦNG NƯỚC SÀI GÒN

Địa chỉ trụ sở: 477-479 An Dương Vương, Phường 11, Quận 6, TP.HCM

Điện thoại: 028 62918483 Fax: 028 62918489

Website: www.saigonwater.com.vn

Mã chứng khoán: SII

Loại thông tin công bố: 24 giờ 72 giờ bất thường theo yêu cầu định kỳ:

Nội dung thông tin công bố:

- Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đã được soát xét cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc tại ngày 30/06/2023.

Mọi thông tin chi tiết xin xem thêm Báo cáo tài chính Riêng đã được soát xét cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2023 được ban hành ngày 28/08/2023 đính kèm

Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty vào ngày 28/08/2023 tại website <https://saigonwater.com.vn>.

Chúng tôi cam kết các thông tin công bố trên là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin công bố và hồ sơ đính kèm.

Trân trọng.

Nơi gửi:

- Như trên;
- Lưu VT.



NGUYỄN VĂN THÀNH

TP. Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 08 năm 2023

Số 211 /2023/SGW

Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà Nước
- Sở Giao dịch Chứng khoán TP. Hà Nội

V/v: Giải trình chênh lệch kết quả hoạt động kinh doanh của công ty mẹ Lũy kế 6 tháng đầu năm 2023.

Đơn vị công bố thông tin: Công ty Cổ phần Hạ tầng nước Sài Gòn

Địa chỉ trụ sở chính: 477-479 An Dương Vương, Phường 11, Quận 6, TP. Hồ Chí Minh.

Điện thoại 028 62918483

Fax: 028 62918489

Mã chứng khoán: SII

1. Công ty Cổ phần Hạ tầng Nước Sài Gòn giải trình chênh lệch kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty mẹ tại thời điểm Lũy kế 6 tháng năm 2023 so với cùng kỳ năm trước như sau:

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Lũy kế 6 tháng năm 2023	Lũy kế 6 tháng năm 2022	Tăng (+) giảm(-) kỳ này so với cùng kỳ năm trước
Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	(16.944.871.920)	(18.241.568.334)	1.296.696.414
Doanh thu hoạt động tài chính	99.088.119.358	45.702.750.567	53.385.368.791
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	16.678.055.480	(29.822.792.611)	46.500.848.091

Trong 6 tháng đầu năm 2023, hoạt động kinh doanh của Công ty vẫn tăng trưởng đều, ổn định dẫn đến Lợi nhuận sau thuế TNDN tăng tương đương 46,5 tỷ đồng chủ yếu nhờ các nguyên nhân sau:

- Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ tăng nhờ sản lượng nước kinh doanh tăng.
- Doanh thu tài chính tăng chủ yếu do khoản nhận cổ tức từ Công ty Tân Hiệp tăng hơn so với 6 tháng đầu năm 2022 đồng thời Công ty còn ghi nhận cổ tức từ Công ty Gia Lai và BOO Nước Thủ Đức

2. Công ty giải trình chênh lệch số liệu trước và sau soát xét 6 tháng đầu năm 2023 như sau:

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Lũy kế từ 01/01 đến 30/06 năm 2023		
	TRƯỚC KIỂM TOÁN	SAU KIỂM TOÁN	CHÊNH LỆCH
Giá vốn hàng bán	74.391.458.045	74.398.258.045	6.800.000
Chi phí hoạt động tài chính	42.787.295.589	45.337.295.589	2.550.000.000
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	19.234.855.480	16.678.055.480	(2.556.800.000)

Nguyên nhân dẫn đến chênh lệch Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp trước và sau kiểm toán chủ yếu do bổ sung giá vốn hàng bán và bổ sung chi phí hoạt động tài chính do bút toán trích lập dự phòng đầu tư vào công ty con.



Chúng tôi cam kết giải trình trên đây đúng thực tế hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty.
Trân trọng báo cáo!

Nơi nhận:
+ Như trên
+ Lưu



ÔNG GIÁM ĐỐC

NGUYỄN VĂN THÀNH



CÔNG TY CỔ PHẦN HẠ TẦNG
NƯỚC SÀI GÒN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 208 /2023/SGW

TP.HCM, ngày 28 tháng 08 năm 2023

CÔNG BỐ THÔNG TIN ĐỊNH KỲ BÁO CÁO TÀI CHÍNH**Kính gửi: Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội**

Thực hiện quy định tại khoản 3 Điều 14 Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán, Công ty Cổ phần Hạ tầng Nước Sài Gòn thực hiện công bố thông tin báo cáo tài chính (BCTC) soát xét 6 tháng đầu năm 2023 với Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội như sau:

1. Tên tổ chức: CÔNG TY CỔ PHẦN HẠ TẦNG NƯỚC SÀI GÒN
 - Mã chứng khoán: SII
 - Địa chỉ: 477-479 An Dương Vương, Phường 11, Quận 6, TP.HCM
 - Điện thoại liên hệ/Tel: 028 62918483
 - Website: www.saigonwater.com.vn
2. Nội dung thông tin công bố:
 - BCTC riêng đã soát xét 6 tháng đầu năm 2023
 - BCTC riêng (TCNY không có công ty con và đơn vị kế toán cấp trên có đơn vị trực thuộc);
 - BCTC hợp nhất (TCNY có công ty con);
 - BCTC tổng hợp (TCNY có đơn vị kế toán trực thuộc tổ chức bộ máy kế toán riêng).
 - Các trường hợp thuộc diện phải giải trình nguyên nhân:
 - + Tổ chức kiểm toán đưa ra ý kiến không phải là ý kiến chấp nhận toàn phần đối với BCTC (đối với BCTC riêng đã được soát xét 6 tháng đầu năm 2023):

<input type="checkbox"/> Có	<input type="checkbox"/> Không
-----------------------------	--------------------------------
 - Vấn bản giải trình trong trường hợp tích có:

<input type="checkbox"/> Có	<input type="checkbox"/> Không
-----------------------------	--------------------------------
 - + Lợi nhuận sau thuế trong kỳ báo cáo có sự chênh lệch trước và sau kiểm toán từ 5% trở lên, chuyển từ lỗ sang lãi hoặc ngược lại (đối với BCTC riêng đã được soát xét 6 tháng đầu năm 2023):

<input type="checkbox"/> Có	<input type="checkbox"/> Không
-----------------------------	--------------------------------
 - Vấn bản giải trình trong trường hợp tích có:

<input type="checkbox"/> Có	<input type="checkbox"/> Không
-----------------------------	--------------------------------
 - + Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp tại báo cáo kết quả kinh doanh của kỳ báo cáo thay đổi từ 10% trở lên so với báo cáo cùng kỳ năm trước:

<input type="checkbox"/> Có	<input type="checkbox"/> Không
-----------------------------	--------------------------------
 - Vấn bản giải trình trong trường hợp tích có:

<input type="checkbox"/> Có	<input type="checkbox"/> Không
-----------------------------	--------------------------------
 - + Lợi nhuận sau thuế trong kỳ báo cáo bị lỗ, chuyển từ lãi ở báo cáo cùng kỳ năm trước sang lỗ ở kỳ này hoặc ngược lại:

<input type="checkbox"/> Có	<input type="checkbox"/> Không
-----------------------------	--------------------------------
 - Vấn bản giải trình trong trường hợp tích có:



Có

Không

Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty vào ngày: 28/08/2023
tại đường dẫn: <https://saigonwater.com.vn>.

Tài liệu đính kèm:

- BCTC riêng Quý 2 năm 2023 đã soát xét.
- Văn bản giải trình số 44/2023/SGW



TỔNG GIÁM ĐỐC

NGUYỄN VĂN THÀNH



CÔNG TY CỔ PHẦN HẠ TẦNG NƯỚC SÀI GÒN
BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT
Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023

MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	1 - 2
BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ	3 - 4
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ	5 - 6
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ	7
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ	8
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ	9 - 35

Handwritten red mark or signature on the right margin.

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Hạ tầng Nước Sài Gòn (gọi tắt là "Công ty") đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc Công ty trong kỳ và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Ngô Đức Vỹ	Chủ tịch
Ông Lê Mạnh Huy	Thành viên
Bà Phan Thùy Giang	Thành viên
Ông Nguyễn Văn Thành	Thành viên
Ông Melvin John Mondejar Tan	Thành viên
Ông Laurence Rentuza	Thành viên
Bà Karoline Constanino Sangalang	Thành viên
Ông Trần Thái Tùng	Thành viên
Ông Nguyễn Xuân Giao	Thành viên

Ban Kiểm soát

Bà Rose Ann Luna Badidoy	Trưởng ban (bổ nhiệm ngày 27 tháng 4 năm 2023)
Ông Alvin Sua Evangelista	Trưởng ban (miễn nhiệm ngày 27 tháng 4 năm 2023)
Ông Nguyễn Văn Chính	Thành viên
Bà Huỳnh Thị Bảo Trâm	Thành viên (bổ nhiệm ngày 27 tháng 4 năm 2023)
Bà Võ Hoàng Kiều Oanh	Thành viên (miễn nhiệm ngày 27 tháng 4 năm 2023)

Ban Tổng Giám đốc

Ông Nguyễn Văn Thành	Tổng Giám đốc
Ông John Walter E.Tendencia	Phó Tổng Giám đốc
Ông Lê Văn Nam	Phó Tổng Giám đốc
Ông Lê Mạnh Huy	Phó Tổng giám đốc
Bà Nguyễn Thị Hồng Hạnh	Giám đốc Tài chính

Người đại diện pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong kỳ và cho đến ngày lập báo cáo này là ông Nguyễn Văn Thành - Tổng Giám đốc Công ty.

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023 được soát xét bởi Công ty TNHH Kiểm toán Quốc tế - Thành viên Hãng Kiểm toán Quốc tế AGN International.

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính riêng giữa niên độ của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2023 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ. Trong việc lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính riêng giữa niên độ hay không;
- Lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính riêng giữa niên độ được lập phù hợp với các chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý khác có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc,



Nguyễn Văn Thành
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 8 năm 2023

Số: 1755/2023/BCSX-ICPA.SG

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Kính gửi: Quý Cổ đông
Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Hạ tầng Nước Sài Gòn

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Hạ tầng Nước Sài Gòn (gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 28 tháng 8 năm 2023, từ trang 5 đến trang 35, bao gồm Bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ tại ngày 30 tháng 6 năm 2023, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính riêng giữa niên độ dựa trên kết quả của cuộc soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo các Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính riêng giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn cuộc kiểm toán được thực hiện theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề có yếu tố trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Kết luận của Kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính giữa niên độ của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2023, kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ và lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Vấn đề cần nhấn mạnh

Chúng tôi xin lưu ý người đọc đến Thuyết minh số II trong Bản thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ thể hiện rằng tại ngày 30 tháng 6 năm 2023, khoản nợ ngắn hạn của Công ty vượt quá tài sản ngắn hạn với số tiền là 327.581.729.362 đồng. Hoạt động kinh doanh của Công ty trong 6 tháng đầu năm 2023 phát sinh lợi nhuận với số tiền là 16.678.055.480 đồng nhưng vẫn chưa thể bù đắp khoản lỗ lũy kế, lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh trong kỳ âm 14.871.091.324 đồng (6 tháng đầu năm 2022 âm 42.880.121.991 đồng). Khả năng thanh toán của Công ty trong 12 tháng tới phụ thuộc vào việc Công ty có thể thu hồi được các khoản công nợ, các khoản lợi nhuận từ đầu tư vốn, thanh lý tài sản. Những điều kiện này, cùng các vấn đề khác như trình bày tại Thuyết minh số II, cho thấy sự tồn tại của các yếu tố không chắc chắn trọng yếu có thể dẫn tới nghi ngờ đáng kể về khả năng hoạt động liên tục của Công ty.

Kết luận của chúng tôi không liên quan đến vấn đề cần nhấn mạnh này.



Lương Xuân Trường
Giám đốc Chi nhánh
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số: 1741-2023-072-1

Thay mặt và đại diện cho
CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN QUỐC TẾ
CHI NHÁNH SÀI GÒN

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 8 năm 2023

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2023

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	30/06/2023	01/01/2023
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		122.818.939.799	84.843.614.325
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110		12.312.186.961	2.504.417.021
1. Tiền	111	V.1	12.312.186.961	2.504.417.021
II. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		84.640.658.302	54.233.398.106
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.2	11.686.642.431	11.410.205.155
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		-	138.761.958
3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	V.3	128.751.914.746	107.636.914.746
4. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.4	16.899.132.986	2.362.953.442
5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	V.5	(72.697.031.861)	(67.315.437.195)
III. Hàng tồn kho	140	V.6	6.368.021.906	8.846.457.980
1. Hàng tồn kho	141		6.368.021.906	8.846.457.980
IV. Tài sản ngắn hạn khác	150		19.498.072.630	19.259.341.218
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.7	182.672.824	218.054.771
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		9.632.429.848	9.358.316.489
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.14	9.682.969.958	9.682.969.958
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		2.443.491.049.310	2.476.723.690.666
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		105.000.000	105.000.000
1. Trả trước cho người bán dài hạn	212		100.000.000	100.000.000
2. Phải thu dài hạn khác	216	V.4	5.000.000	5.000.000
II. Tài sản cố định	220		1.403.923.019.456	1.435.969.477.893
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.8	1.402.671.654.550	1.434.614.491.109
- Nguyên giá	222		1.815.244.527.555	1.815.366.104.811
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(412.572.873.005)	(380.751.613.702)
2. Tài sản cố định vô hình	227	V.9	1.251.364.906	1.354.986.784
- Nguyên giá	228		2.065.354.180	2.065.354.180
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(813.989.274)	(710.367.396)
III. Tài sản dở dang dài hạn	240		2.159.912.165	983.498.397
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.10	2.159.912.165	983.498.397
IV. Đầu tư tài chính dài hạn	250	V.11	1.030.163.183.611	1.032.713.183.611
1. Đầu tư vào công ty con	251		769.900.000.000	769.900.000.000
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		183.359.788.611	183.359.788.611
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		143.153.395.000	143.153.395.000
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		(66.250.000.000)	(63.700.000.000)
V. Tài sản dài hạn khác	260		7.139.934.078	6.952.530.765
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.7	222.841.917	322.914.183
2. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263	V.12	6.917.092.161	6.629.616.582
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		2.566.309.989.109	2.561.567.304.991

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
 Tại ngày 30 tháng 6 năm 2023

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	30/06/2023	01/01/2023
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		1.754.618.275.173	1.766.553.646.535
I. Nợ ngắn hạn	310		450.400.669.161	444.336.040.523
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.13	33.267.624.313	33.313.494.529
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		160.831.691	149.551.499
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.14	84.889.962	228.248.722
4. Phải trả người lao động	314		180.341.590	1.365.458.481
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.15	14.391.274.979	9.216.490.184
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.16	49.299.640.178	40.779.515.380
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.17	353.016.066.448	359.283.281.728
II. Nợ dài hạn	330		1.304.217.606.012	1.322.217.606.012
1. Phải trả dài hạn khác	337	V.16	850.000.000.000	850.000.000.000
2. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.17	454.217.606.012	472.217.606.012
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400	V.18	811.691.713.936	795.013.658.456
I. Vốn chủ sở hữu	410		811.691.713.936	795.013.658.456
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		645.221.040.000	645.221.040.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		645.221.040.000	645.221.040.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		161.811.551.600	161.811.551.600
3. Quỹ đầu tư phát triển	418		16.623.462.173	16.623.462.173
4. Lỗ lũy kế	421		(11.964.339.837)	(28.642.395.317)
- (Lỗ)/lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		(28.642.395.317)	81.996.852.879
- Lợi nhuận/(lỗ) sau thuế kỳ này	421b		16.678.055.480	(110.639.248.196)
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		2.566.309.989.109	2.561.567.304.991




Nguyễn Thị Thanh Bình
Người lập biểu



Nguyễn Thị Hồng Hạnh
Kế toán trưởng



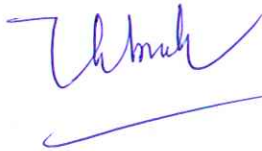

Nguyễn Văn Thành
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 8 năm 2023

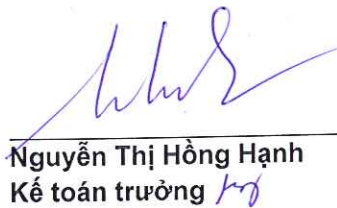
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ
Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/01/2023 đến 30/06/2023	Từ 01/01/2022 đến 30/06/2022
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	57.453.386.125	54.934.119.624
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần (10 = 01 - 02)	10		57.453.386.125	54.934.119.624
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	74.398.258.045	73.175.687.958
5. Lỗ gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)	20		(16.944.871.920)	(18.241.568.334)
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	99.088.119.358	45.702.750.567
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	45.337.295.589	40.698.371.876
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		42.770.679.789	40.681.756.076
8. Chi phí bán hàng	25	VI.5	6.035.078.778	5.778.107.827
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.6	14.061.994.953	10.827.235.265
10. Lợi nhuận/(lỗ) thuần từ hoạt động kinh doanh [30 = 20 + (21 - 22) - (25 + 26)]	30		16.708.878.118	(29.842.532.735)
11. Thu nhập khác	31		21.023.134	19.740.124
12. Chi phí khác	32		51.845.772	-
13. (Lỗ)/lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40		(30.822.638)	19.740.124
14. Lợi nhuận/(lỗ) kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		16.678.055.480	(29.822.792.611)
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	VI.7	-	-
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận/(lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 - 51 - 52)	60		16.678.055.480	(29.822.792.611)



Nguyễn Thị Thanh Bình
Người lập biểu



Nguyễn Thị Hồng Hạnh
Kế toán trưởng



Nguyễn Văn Thành
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 8 năm 2023

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ
(Theo phương pháp gián tiếp)
Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Từ 01/01/2023 đến 30/06/2023	Từ 01/01/2022 đến 30/06/2022
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1. Lợi nhuận/(lỗ) kế toán trước thuế	01	16.678.055.480	(29.822.792.611)
2. Điều chỉnh cho các khoản			
Khấu hao tài sản cố định	02	34.105.470.260	33.687.247.911
Các khoản dự phòng	03	7.931.594.666	7.914.101.617
Lãi từ hoạt động đầu tư	05	(99.088.119.358)	(43.241.132.626)
Chi phí lãi vay	06	42.770.679.789	40.681.756.076
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	2.397.680.837	9.219.180.367
Tăng các khoản phải thu	09	(7.583.916.221)	(11.889.631.356)
Giảm/(tăng) hàng tồn kho	10	13.093.905.896	(968.726.256)
Giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	(1.036.308.915)	(8.751.175.925)
Giảm chi phí trả trước	12	135.454.213	801.446.056
Tiền lãi vay đã trả	14	(21.877.907.134)	(31.096.360.947)
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	-	(194.853.930)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(14.871.091.324)	(42.880.121.991)
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(14.162.990.814)	(2.861.719.057)
2. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(22.315.000.000)	(10.000.000)
3. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	1.200.000.000	-
4. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	84.224.067.358	37.202.613.029
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	48.946.076.544	34.330.893.972
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
1. Tiền thu từ đi vay	33	69.856.849.127	38.395.000.000
2. Tiền trả nợ gốc vay	34	(94.124.064.407)	(64.300.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(24.267.215.280)	(25.905.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20 + 30 + 40)	50	9.807.769.940	(34.454.228.019)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	2.504.417.021	38.221.090.353
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50 + 60)	70	12.312.186.961	3.766.862.334



Nguyễn Thị Thanh Bình
Người lập biểu



Nguyễn Thị Hồng Hạnh
Kế toán trưởng



Nguyễn Văn Thành
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 8 năm 2023

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ
Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023**I. THÔNG TIN KHÁI QUÁT****Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Hạ tầng Nước Sài Gòn (gọi tắt là "Công ty") là công ty cổ phần được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0303476454 do Sở kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 27 tháng 8 năm 2004 và thay đổi lần thứ 19 ngày 23 tháng 5 năm 2022 về việc đổi địa chỉ trụ sở chính của Công ty.

Vốn điều lệ của Công ty là 645.221.040.000 đồng, được chia thành 64.522.104 cổ phần bằng nhau, mệnh giá một cổ phần là 10.000 đồng.

Trụ sở chính của Công ty đặt tại số 477-479 An Dương Vương, Phường 11, Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Tên Công ty viết bằng tiếng nước ngoài là: Sai Gon Water Infrastructure Corporation, tên viết tắt là: SaiGon Water.

Công ty hiện đang đăng ký giao dịch trên sàn chứng khoán Upcom, Sở giao dịch Chứng khoán Hà Nội với mã cổ phiếu là SII.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2023 là 117 người (tại ngày 1 tháng 1 năm 2023 là 118 người).

Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là xử lý và cung cấp nước sạch.

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Ngành nghề kinh doanh của Công ty là khai thác, xử lý và cung cấp nước; hoạt động tư vấn quản lý (trừ tư vấn tài chính); hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan; xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác; buôn bán máy móc thiết bị và phụ tùng máy móc khác.

Hoạt động chính của Công ty trong năm là vận hành hệ thống mạng lưới cung cấp nước sạch, đầu tư và cung cấp các dịch vụ liên quan đến ngành nước sinh hoạt.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

Các sự kiện quan trọng trong kỳ kế toán có ảnh hưởng đến báo cáo tài chính riêng giữa niên độ

Ngày 26 tháng 6 năm 2023, Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng Kỹ thuật Thành phố Hồ Chí Minh ("Công ty CII") đã hoàn tất giao dịch bán 24.687.050 cổ phiếu nắm giữ tại Công ty, số lượng cổ phiếu Công ty CII nắm giữ sau khi thực hiện giao dịch trên là 7.974.300 cổ phiếu, tương ứng tỷ lệ 12,36%. Theo đó, Công ty CII không còn là công ty mẹ của Công ty kể từ ngày này.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023

I. THÔNG TIN KHÁI QUÁT (tiếp theo)**Cấu trúc doanh nghiệp**

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2023, Công ty đang đầu tư trực tiếp vào các công ty sau:

Tên công ty	30/06/2023		01/01/2023		Nơi thành lập và hoạt động	Hoạt động chính
	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Tỷ lệ lợi ích		
Công ty con						
1. Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Gia Lai	51,00%	51,00%	51,00%	51,00%	Tỉnh Gia Lai	Khai thác, xử lý và cung cấp nước
2. Công ty Cổ phần Cấp nước Sài Gòn Đan Kia	90,00%	90,00%	90,00%	90,00%	Tỉnh Lâm Đồng	Khai thác, xử lý và cung cấp nước
3. Công ty Cổ phần Kỹ thuật Enviro	85,00%	85,00%	85,00%	85,00%	Tp. Hồ Chí Minh	Lắp đặt hệ thống cấp thoát nước
4. Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Củ Chi	50,98%	50,98%	50,98%	50,98%	Tp. Hồ Chí Minh	Vận hành mạng lưới cung cấp nước sạch
5. Công ty TNHH MTV Đầu tư Nước SGN (i)	100,00%	100,00%	100,00%	100,00%	Tp. Hồ Chí Minh	Hoạt động tư vấn quản lý, tư vấn kỹ thuật
Công ty liên kết						
1. Công ty Cổ phần Đầu tư Nước Tân Hiệp	43,00%	43,00%	43,00%	43,00%	Tp. Hồ Chí Minh	Xử lý và cung cấp nước
2. Công ty Cổ phần nước Sài Gòn - An Khê	49,00%	49,00%	49,00%	49,00%	Tỉnh Gia Lai	Khai thác, xử lý và cung cấp nước
3. Công ty Cổ phần Cấp nước Sài Gòn Pleiku	49,00%	49,00%	49,00%	49,00%	Tỉnh Gia Lai	Khai thác, xử lý và cung cấp nước

(i) Ngày 11 tháng 01 năm 2023, Công ty đã ban hành Nghị quyết số 01/2023 của Hội đồng Quản trị về việc giải thể Công ty TNHH MTV Đầu tư Nước SGN, tại ngày 30 tháng 6 năm 2023, công ty vẫn đang tiến hành các thủ tục có liên quan để giải thể công ty con này.

Thuyết minh về khả năng so sánh thông tin trên báo cáo tài chính riêng giữa niên độ

Công ty áp dụng nhất quán các chính sách kế toán theo chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành kèm theo Thông tư số 200/2014/TT/BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính, do đó, thông tin và số liệu trình bày trên báo cáo tài chính riêng giữa niên độ là có thể so sánh được.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023

II. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ VÀ KỶ KẾ TOÁN

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Giả định hoạt động liên tục

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2023, khoản nợ ngắn hạn của Công ty vượt quá tài sản ngắn hạn với số tiền là 327.581.729.362 đồng. Hoạt động kinh doanh của Công ty trong 6 tháng đầu năm 2023 phát sinh lợi nhuận với số tiền là 16.678.055.480 đồng nhưng vẫn chưa thể bù đắp khoản lỗ lũy kế. Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh trong kỳ âm 14.871.091.324 đồng (6 tháng đầu năm 2022 âm 42.880.121.991 đồng). Khả năng thanh toán của Công ty trong 12 tháng tới phụ thuộc vào việc Công ty có thể thu hồi được các khoản công nợ, các khoản lợi nhuận từ đầu tư vốn, thanh lý tài sản. Kế hoạch của Ban Tổng Giám đốc Công ty liên quan đến các vấn đề này như sau:

- Đối với dự án Củ Chi: Tăng số lượng khách hàng khối sản xuất nhằm tăng sản lượng nước bán ra và tăng giá bán bình quân. Công ty tiếp tục làm việc với Ủy ban Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, các sở ban ngành, ban quản lý các khu công nghiệp trên địa bàn để thúc đẩy việc sử dụng nước mặt do Công ty cung cấp. Tăng cường các biện pháp giảm thất thoát nước phần đầu tỷ lệ thất thoát còn 15%, kiểm soát chi phí, nâng cao hiệu quả hoạt động, phần đầu đạt sản lượng bình quân trên 36.000 m³/ngày trong năm 2023.
- Công ty sẽ tiếp tục tìm kiếm cơ hội thoái vốn tại các công ty nước BOO Thủ Đức, Sài Gòn An Khê và Sài Gòn Pleiku.
- Công ty đã thực hiện tái cấu trúc khoản vay đầu tư Dự án Củ Chi tại Vietinbank. Theo đó, Công ty được giãn thời hạn trả nợ gốc đến năm Quý 1 năm 2031, đồng thời chỉ phải thanh toán 70% chi phí lãi vay phát sinh từ Quý 1 năm 2023 đến Quý 4 năm 2027, số lãi vay còn lại sẽ được trả dần từ Quý 1 năm 2028 đến Quý 1 năm 2031. Bên cạnh đó, Công ty tiếp tục sử dụng hạn mức vay vốn lưu động 25 tỷ đồng để trang trải các chi phí hoạt động.
- Trong 12 tháng tới, Công ty dự kiến sẽ nhận được cổ tức bằng tiền từ Công ty Cổ phần Đầu tư nước Tân Hiệp (92,88 tỷ đồng), Công ty Cổ phần BOO nước Thủ Đức (11,455 tỷ đồng), Công ty Cổ phần Cấp nước Sài Gòn Đan Kìa (10,8 tỷ đồng) và Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Gia Lai (4,59 tỷ đồng).

Ban Tổng Giám đốc Công ty đã đánh giá một cách thận trọng kế hoạch kinh doanh và tin tưởng rằng dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và hoạt động đầu tư sẽ giúp Công ty có đủ nguồn tiền để thanh toán các khoản nợ đến hạn và đáp ứng nhu cầu vốn cho sản xuất kinh doanh. Theo đó, Ban Tổng Giám đốc Công ty tin tưởng rằng, cáo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc cùng ngày được lập trên cơ sở giả định hoạt động liên tục là phù hợp.

Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

Kỳ kế toán giữa niên độ bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 30 tháng 6 hàng năm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ("Thông tư 200") ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 3 năm 2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ:

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ tuân thủ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ hoạt động. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Các khoản đầu tư tài chính***Đầu tư vào công ty con***

Công ty con là các công ty do Công ty kiểm soát. Việc kiểm soát đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Đầu tư vào công ty liên kết

Công ty liên kết là một công ty mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này.

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác phản ánh các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Công ty ghi nhận ban đầu khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết và đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác theo giá gốc. Công ty hạch toán vào thu nhập trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng khoản được chia từ lợi nhuận thuần lũy kế của bên nhận đầu tư phát sinh sau ngày đầu tư. Các khoản khác mà Công ty nhận được ngoài lợi nhuận được chia được coi là phần thu hồi các khoản đầu tư và được ghi nhận là khoản giảm trừ giá gốc đầu tư. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được và doanh thu từ cổ tức bằng cổ phiếu.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**Các khoản đầu tư tài chính** (tiếp theo)

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết và đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết và đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được trình bày trong Bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng giảm giá.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công ty con, liên kết và đầu tư vốn vào đơn vị khác được trích lập khi các công ty này bị lỗ hoặc khi có các bằng chứng chắc chắn cho thấy có sự suy giảm giá trị của các khoản đầu tư này vào ngày kết thúc kỳ báo cáo.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết và đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được trích lập như sau:

- Đối với khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý khoản đầu tư được xác định tin cậy, việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu;

- Đối với khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo, việc lập dự phòng được thực hiện căn cứ vào khoản lỗ của bên được đầu tư với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ góp vốn của Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác. Nếu bên nhận đầu tư là đối tượng lập báo cáo tài chính hợp nhất thì căn cứ để xác định dự phòng tổn thất là Báo cáo tài chính hợp nhất.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công ty con, công ty liên kết và đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ báo cáo được ghi nhận vào chi phí tài chính trong kỳ.

Nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản: nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các kế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

Tăng, giảm số dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ báo cáo được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong kỳ.

Các khoản cho vay

Các khoản cho vay là các khoản cho vay theo thỏa thuận giữa các bên nhưng không được giao dịch mua bán trên thị trường như chứng khoán.

Các khoản cho vay được xác định theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản cho vay được lập căn cứ vào dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày lập báo cáo tài chính riêng.

Tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ báo cáo được ghi nhận vào giá vốn hàng bán trong kỳ.

Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn

Các thiết bị, vật tư, phụ tùng được dự trữ trên 12 tháng hoặc hơn một chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường cho mục đích thay thế, phòng ngừa hư hỏng của tài sản cố định được ghi nhận là tài sản dài hạn.

Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn được trình bày trên báo cáo tài chính riêng theo giá trị thuần (sau khi đã trừ dự phòng giảm giá, nếu có). Dự phòng giảm giá của thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành tương tự như hàng tồn kho của Công ty.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được phản ánh theo giá gốc, trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian khấu hao cụ thể như sau:

	Số năm
Nhà cửa, vật kiến trúc	20
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	3 - 30
Thiết bị dụng cụ quản lý	3 - 5

Các khoản lãi, lỗ phát sinh khi thanh lý, bán tài sản là chênh lệch giữa thu nhập từ thanh lý và giá trị còn lại của tài sản và được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ.

Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Tài sản cố định vô hình của Công ty là chương trình phần mềm máy tính phục vụ cho quy trình quản lý và sản xuất nước sạch, được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng 10 năm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Các khoản trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước bao gồm giá trị công cụ, dụng cụ, linh kiện loại nhỏ đã xuất dùng và được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước và được phân bổ vào cáo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng theo các quy định kế toán hiện hành.

Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty. Phải trả người bán bao gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ các giao dịch mua - bán và các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác (trong giao dịch nhập khẩu ủy thác). Phải trả khác gồm các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua - bán. Các khoản phải trả được phân loại ngắn hạn, dài hạn trên cáo cáo tài chính riêng giữa niên độ dựa theo kỳ hạn còn lại của các khoản phải trả tại ngày báo cáo.

Chi phí phải trả

Các khoản chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán, được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo.

Vay và nợ phải trả thuê tài chính

Bao gồm các khoản tiền vay, nợ thuê tài chính, không bao gồm các khoản vay dưới hình thức phát hành trái phiếu hoặc cổ phiếu ưu đãi có điều khoản bắt buộc bên phát hành phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai. Công ty theo dõi các khoản vay chi tiết theo từng đối tượng nợ và phân loại ngắn hạn và dài hạn theo thời gian trả nợ.

Chi phí liên quan trực tiếp đến khoản vay được ghi nhận vào chi phí tài chính, ngoại trừ các chi phí phát sinh từ khoản vay riêng cho mục đích đầu tư, xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì được vốn hóa theo Chuẩn mực kế toán "Chi phí đi vay".

Ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của các cổ đông.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn hoặc nhỏ hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành cổ phiếu lần đầu, phát hành bổ sung hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối được ghi nhận theo số lợi nhuận (hoặc lỗ) từ kết quả hoạt động kinh doanh riêng của Công ty trừ (-) chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của kỳ hiện hành và các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các kỳ trước.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**Ghi nhận vốn chủ sở hữu** (tiếp theo)

Cổ tức chính thức được công bố và chi trả trong niên độ kế tiếp từ nguồn lợi nhuận chưa phân phối căn cứ vào sự phê duyệt của Hội đồng cổ đông tại đại hội thường niên của Công ty.

Các khoản dự trữ, các quỹ từ lợi nhuận sau thuế được trích lập căn cứ vào điều lệ của Công ty và sự phê duyệt của Đại hội đồng cổ đông.

Ghi nhận doanh thu*Doanh thu bán hàng*

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng qui định người mua được quyền trả lại sản phẩm, hàng hoá, đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại sản phẩm, hàng hoá (trừ trường hợp khách hàng có quyền trả lại hàng hóa dưới hình thức đổi lại để lấy hàng hóa, dịch vụ khác);
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu bán hàng của Công ty chủ yếu là doanh thu từ hoạt động cung cấp nước sạch cho người dân trên địa bàn huyện Củ Chi với đơn giá nước áp dụng theo các quyết định của Ủy ban Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh ban hành cho từng thời kỳ. Đơn giá bán nước chỉ được điều chỉnh sau khi cơ quan Nhà nước có thẩm quyền phê duyệt.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong năm theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán của năm đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng qui định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của bảng cân đối kế toán; và
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu tài chính

Lãi tiền gửi, tiền cho vay được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi, tiền cho vay và lãi suất áp dụng. Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Công ty có quyền nhận khoản lãi.

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được và doanh thu từ cổ tức bằng cổ phiếu.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**Ghi nhận giá vốn**

Giá vốn hàng bán và cung cấp dịch vụ được ghi nhận theo giá trị thực tế phát sinh và tập hợp theo giá trị và số lượng thành phẩm, hàng hóa, vật tư xuất bán và dịch vụ cung cấp cho khách hàng, đảm bảo nguyên tắc phù hợp với doanh thu và nguyên tắc thận trọng. Các chi phí vượt trên mức bình thường của hàng tồn kho và dịch vụ cung cấp được ghi nhận ngay vào kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ trong kỳ.

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ khi được vốn hoá theo quy định của chuẩn mực kế toán "Chi phí đi vay". Theo đó, chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên Báo cáo tài chính riêng và được ghi nhận theo phương pháp Bảng cân đối kế toán riêng. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho kỳ tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hoãn lại với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**Các bên liên quan**

Được coi là các bên liên quan là các doanh nghiệp, các cá nhân trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát công ty hoặc chịu sự kiểm soát chung với Công ty. Các bên liên kết, các cá nhân nào trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty. Những chức trách quản lý chủ chốt như Tổng Giám đốc, viên chức của Công ty, những thành viên thân cận trong gia đình của những cá nhân hoặc các bên liên kết này hoặc những Công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là bên liên quan.

Trong việc xem xét mối quan hệ của từng bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú ý thay vì là hình thức pháp lý.

Báo cáo bộ phận

Bộ phận là thành phần có thể phân biệt được của Công ty tham gia vào việc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ có liên quan (bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh), hoặc vào việc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận theo khu vực địa lý) mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Ban Tổng Giám đốc nhận định rằng Công ty hoạt động trong các bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là kinh doanh nước sạch và cung cấp dịch vụ liên quan đến ngành nước sạch. Công ty hoạt động trong một bộ phận theo khu vực địa lý là Thành phố Hồ Chí Minh. Do đó, Công ty chỉ lập báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

1. Tiền	30/06/2023	01/01/2023
	VND	VND
Tiền mặt	352.971.975	673.448.039
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	11.959.214.986	1.830.968.982
Cộng	12.312.186.961	2.504.417.021
2. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	30/06/2023	01/01/2023
	VND	VND
Phải thu khách hàng là bên liên quan		
Ông Lê Văn Nam (i)	2.700.000.000	2.700.000.000
Phải thu khách hàng khác		
Khách hàng sử dụng nước sạch ở địa bàn huyện Củ Chi	8.186.642.431	7.910.205.155
Các đối tượng khác	800.000.000	800.000.000
Cộng	11.686.642.431	11.410.205.155

(i) Đây là khoản phải thu theo hợp đồng số 01/2022/HĐ-SGW ngày 22 tháng 2 năm 2022 về việc chuyển nhượng 540.000 cổ phần, tương ứng 6% vốn điều lệ của Công ty Cổ phần Cấp nước Sài Gòn - Pleiku.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)**3. Phải thu về cho vay ngắn hạn**

	30/06/2023 VND	01/01/2023 VND
Phải thu bên liên quan		
Công ty Cổ phần Cấp nước Sài Gòn - Pleiku (i)	122.761.134.593	101.661.134.593
Công ty Cổ phần Nước Sài Gòn - An Khê (ii)	5.865.780.153	5.865.780.153
Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Củ Chi	125.000.000	110.000.000
Cộng	128.751.914.746	107.636.914.746

(i) Đây là khoản hỗ trợ vốn với lãi suất áp dụng trong năm là 11,5%/năm và sẽ đáo hạn vào ngày 30 tháng 12 năm 2023.

(ii) Đây là khoản hỗ trợ vốn với lãi suất áp dụng trong năm là 11%/năm và sẽ đáo hạn vào ngày 30 tháng 6 năm 2024.

4. Phải thu khác

	30/06/2023 VND	01/01/2023 VND
a. Ngắn hạn		
Giá trị các đồng hồ nước đang được kiểm định để tái sử dụng	9.309.999.565	2.292.931.782
Cổ tức được chia	7.364.052.000	-
Ký cược, ký quỹ ngắn hạn	20.000.000	20.000.000
Tạm ứng cho nhân viên	205.081.421	15.000.000
Phải thu ngắn hạn khác	-	35.021.660
Cộng	16.899.132.986	2.362.953.442
b. Dài hạn		
Ký cược, ký quỹ dài hạn	5.000.000	5.000.000
Tổng cộng phải thu khác	16.904.132.986	2.367.953.442

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)**5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi**

	30/06/2023		01/01/2023	
	Giá gốc VND	Giá trị có thể thu hồi VND	Dự phòng VND	Giá gốc thu hồi VND
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	5.549.097.477	196.518.270	(5.352.579.207)	201.431.115
Phải thu về cho vay ngắn hạn	128.626.914.746	61.282.462.092	(67.344.452.654)	45.494.917.003
Cộng	134.176.012.223	61.478.980.362	(72.697.031.861)	45.696.348.118

Tình hình biến động dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi

	Từ 01/01/2023 đến 30/06/2023	Từ 01/01/2022 đến 30/06/2022
Số dư tại ngày đầu kỳ	(67.315.437.195)	(39.280.655.535)
Trích lập dự phòng bổ sung	(5.381.594.666)	(7.914.101.617)
Số dư tại ngày cuối kỳ	(72.697.031.861)	(47.194.757.152)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)**6. Hàng tồn kho**

	30/06/2023		01/01/2023	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	6.368.021.906	-	8.846.457.980	-

7. Chi phí trả trước

	30/06/2023	01/01/2023
	VND	VND
a. Ngắn hạn		
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	88.331.402	215.850.422
Chi phí bảo trì phần mềm	-	-
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	94.341.422	2.204.349
Cộng	182.672.824	218.054.771
b. Dài hạn		
Cước dịch vụ hoá đơn điện tử	174.609.360	250.067.700
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	35.370.565	72.846.483
Chi phí trả trước dài hạn khác	12.861.992	-
Cộng	222.841.917	322.914.183
Tổng cộng chi phí trả trước	405.514.741	540.968.954

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)**8. Tài sản cố định hữu hình**

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Phương tiện vận tải, truyền dẫn VND	Thiết bị dụng cụ quản lý VND	Cộng VND
Nguyên giá				
Tại ngày 01/01/2023	96.532.991.903	1.717.300.426.817	1.532.686.091	1.815.366.104.811
Xây dựng cơ bản hoàn thành	-	12.961.957.224	-	12.961.957.224
Thanh lý trong kỳ (i)	-	(13.083.534.480)	-	(13.083.534.480)
Tại ngày 30/06/2023	96.532.991.903	1.717.178.849.561	1.532.686.091	1.815.244.527.555
Giá trị hao mòn lũy kế				
Tại ngày 01/01/2023	28.958.650.714	351.122.759.372	670.203.616	380.751.613.702
Khấu hao trong kỳ	2.413.360.812	31.514.619.416	73.868.154	34.001.848.382
Thanh lý trong kỳ (i)	-	(2.180.589.079)	-	(2.180.589.079)
Tại ngày 30/06/2023	31.372.011.526	380.456.789.709	744.071.770	412.572.873.005
Giá trị còn lại				
Tại ngày 01/01/2023	67.574.341.189	1.366.177.667.445	862.482.475	1.434.614.491.109
Tại ngày 30/06/2023	65.160.980.377	1.336.722.059.852	788.614.321	1.402.671.654.550

Tài sản cố định hữu hình của công ty chủ yếu được hình thành từ Dự án xã hội hóa đầu tư phát triển, quản lý hệ thống cấp nước và phân phối nước sạch tại huyện Củ Chi. Tổng mức vốn đầu tư dự kiến là 2.662 tỷ đồng, trong đó ngân sách Nhà nước hỗ trợ 600 tỷ đồng. Dự án được thực hiện theo hai giai đoạn với tổng giá trị quyết toán là 1.771.292.690.597 đồng, trong đó nguyên giá tài sản hình thành trong giai đoạn 1 là 1.336.149.158.599 đồng và giai đoạn 2 là 435.143.531.998 đồng.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 30 tháng 6 năm 2023 và tại ngày 01 tháng 01 năm 2023 là 3.224.167.156 đồng.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình được sử dụng để thế chấp cho các khoản vay tại ngày 30 tháng 6 năm 2023 là 1.771.292.690.597 đồng, (tại ngày 1 tháng 1 năm 2023 là 1.784.376.225.077 đồng) (xem thêm tại *Thuyết minh V.17*).

(i) Trong năm, Công ty đã thanh lý các đồng hồ nước đã hết hạn kiểm định, hư hỏng và không đạt chất lượng sau khi tái kiểm định.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)**9. Tài sản cố định vô hình**

Tài sản cố định vô hình của Công ty là chương trình phần mềm. Nguyên giá tài sản cố định vô hình được sử dụng để thế chấp cho các khoản vay tại ngày cuối kỳ và ngày đầu kỳ là 1.760.000.000 VND (*xem thêm tại Thuyết minh V.17*).

10. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	30/06/2023	01/01/2023
	VND	VND
Dự án đầu tư phát triển, cải tạo mạng lưới cấp nước trên địa bàn huyện Củ Chi	<u>2.159.912.165</u>	<u>983.498.397</u>

Tình hình biến động chi phí xây dựng cơ bản dở dang trong kỳ như sau:

	Từ 01/01/2023 đến 30/06/2023	Từ 01/01/2022 đến 30/06/2022
	VND	VND
Số dư đầu kỳ	983.498.397	238.905.197
Chi phí đầu tư xây dựng mạng lưới cấp nước trong năm	14.024.750.242	1.654.690.217
Kết chuyển sang tài sản cố định hữu hình	(11.740.249.224)	(975.541.566)
Nhập kho vật tư thừa	(1.108.087.250)	-
Số dư cuối kỳ	<u>2.159.912.165</u>	<u>918.053.848</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

11. Đầu tư tài chính dài hạn	30/06/2023		01/01/2023				
	Số lượng cổ phần	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị hợp lý VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị hợp lý VND
Đầu tư vào công ty con							
Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Củ Chi	32.117.400	321.174.000.000	-	(i)	32.117.400	-	321.174.000.000 (i)
Công ty TNHH MTV Đầu tư Nước SGN	-	220.000.000.000	-	(i)	-	-	220.000.000.000 (i)
Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Gia Lai	9.180.000	121.176.000.000	-	(i)	9.180.000	-	121.176.000.000 (i)
Công ty Cổ phần Cấp nước Sài Gòn Đan Kìa	9.000.000	105.000.000.000	-	(i)	9.000.000	-	105.000.000.000 (i)
Công ty Cổ phần Kỹ thuật Enviro	25.500	2.550.000.000	(2.550.000.000)	(i)	25.500	-	2.550.000.000 (i)
Cộng	50.322.900	769.900.000.000	(2.550.000.000)		50.322.900	769.900.000.000	

(i) Giá trị hợp lý của các công ty này không được xác định để thuyết minh trên báo cáo tài chính riêng giữa niên độ do không có giá niêm yết trên thị trường. Các thông tin và giao dịch trên thị trường đối với các khoản đầu tư này không có sẵn. Ban Tổng Giám đốc Công ty đánh giá rằng giá gốc của khoản đầu tư là ước tính gần nhất (hoặc đại diện cho) giá trị hợp lý.

Vốn điều lệ đã góp vào các Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Củ Chi và Công ty TNHH MTV Đầu tư Nước SGN đã được các công ty con sử dụng để góp vốn hợp tác đầu tư với công ty mẹ (xem chi tiết tại *Thuyết minh V.16*).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)**11. Đầu tư tài chính dài hạn** (tiếp theo)

	30/06/2023		01/01/2023				
	Số lượng cổ phần	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị hợp lý VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị hợp lý VND
Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết							
Công ty Cổ phần Đầu tư Nước Tân Hiệp (i)	10.320.000	119.659.788.611	-	(i)	10.320.000	119.659.788.611	-
Công ty Cổ phần Nước Sài Gòn - An Khê	1.960.000	19.600.000.000	(19.600.000.000)	(i)	1.960.000	19.600.000.000	(19.600.000.000)
Công ty Cổ phần Cấp nước Sài Gòn - Pleiku	4.410.000	44.100.000.000	(44.100.000.000)	(i)	4.410.000	44.100.000.000	(44.100.000.000)
Cộng	16.690.000	183.359.788.611	(63.700.000.000)		16.690.000	183.359.788.611	(63.700.000.000)

Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Công ty Cổ phần BOO Nước Thủ Đức	409.114	143.153.395.000	-	(i)	409.114	143.153.395.000	-
----------------------------------	---------	-----------------	---	-----	---------	-----------------	---

(i) Giá trị hợp lý của các công ty này không được xác định để thuyết minh trên báo cáo tài chính riêng giữa niên độ do không có giá niêm yết trên thị trường. Các thông tin và giao dịch trên thị trường đối với các khoản đầu tư này không có sẵn. Ban Tổng Giám đốc Công ty đánh giá rằng giá gốc của khoản đầu tư là ước tính gần nhất (hoặc đại diện cho) giá trị hợp lý. Tại ngày 30 tháng 6 năm 2023, 10.320.000 cổ phiếu của Công ty Cổ phần Đầu tư Nước Tân Hiệp đang được dùng để làm tài sản đảm bảo cho trái phiếu CIIB2124001 của Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng Kỹ thuật Thành phố Hồ Chí Minh - công ty mẹ trước đây của Công ty.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)**12. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn**

	30/06/2023		01/01/2023	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế	6.917.092.161	-	6.629.616.582	-

13. Phải trả người bán ngắn hạn

	30/06/2023		01/01/2023	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND
Công ty Cổ phần Cấp nước Kênh Đông	16.909.672.897	16.909.672.897	18.966.462.431	18.966.462.431
Manila Water South Asia Holdings Pte., Ltd.	10.481.361.891	10.481.361.891	9.885.711.891	9.885.711.891
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Tuấn Lộc	3.136.630.836	3.136.630.836	3.136.630.836	3.136.630.836
Các nhà cung cấp khác	2.739.958.689	2.739.958.689	1.324.689.371	1.324.689.371
Cộng	33.267.624.313	33.267.624.313	33.313.494.529	33.313.494.529

14. Thuế và các khoản phải thu, phải nộp Nhà nước

	01/01/2023 VND	Số phải nộp trong kỳ VND	Số thực nộp trong kỳ VND	30/06/2023 VND
a. Phải thu				
Thuế thu nhập doanh nghiệp	9.682.969.958	-	-	9.682.969.958
b. Phải trả				
Thuế thu nhập cá nhân	197.442.667	339.224.308	485.597.330	51.069.645
Phí bảo vệ môi trường	30.806.055	204.198.732	201.184.470	33.820.317
Thuế nhà thầu	-	64.350.000	64.350.000	-
Các loại thuế, phí khác	-	3.000.000	3.000.000	-
Cộng	228.248.722	610.773.040	754.131.800	84.889.962

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

15. Chi phí phải trả ngắn hạn	30/06/2023 VND	01/01/2023 VND
Chi phí lãi vay	13.784.172.321	8.941.336.464
Các khoản trích trước khác	607.102.658	275.153.720
Cộng	14.391.274.979	9.216.490.184
16. Phải trả khác	30/06/2023 VND	01/01/2023 VND
a. Phải trả ngắn hạn khác		
Phải trả chi phí sử dụng vốn cho Công ty Cổ phần Đầu tư T&D Việt Nam	48.381.665.712	32.331.728.914
Thù lao Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát	835.289.000	835.289.000
Khoản tạm nhận cổ tức từ công ty con	-	7.500.000.000
Phải trả khác	82.685.466	112.497.466
Cộng	49.299.640.178	40.779.515.380
<i>Trong đó, phải trả khác cho các bên liên quan</i>		
Công ty Cổ phần Cấp nước Sài Gòn Đan Kia	-	7.500.000.000
b. Phải trả dài hạn khác		
Phải trả vốn hợp tác đầu tư vào Dự án Củ Chi (i)	630.000.000.000	630.000.000.000
Phải trả vốn hợp tác đầu tư (ii)	220.000.000.000	220.000.000.000
Cộng	850.000.000.000	850.000.000.000
<i>Trong đó, phải trả khác cho các bên liên quan</i>		
Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Củ Chi	630.000.000.000	630.000.000.000
Công ty TNHH MTV Đầu tư Nước SGN	220.000.000.000	220.000.000.000
Cộng	850.000.000.000	850.000.000.000
Tổng cộng phải trả khác	899.299.640.178	890.779.515.380
(i) Nhận vốn hợp tác đầu tư từ Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Củ Chi với số tiền 630 tỷ VND để thực hiện Dự án đầu tư phát triển, quản lý hệ thống cấp nước và phân phối nước sạch trên địa bàn huyện Củ Chi.		
(ii) Nhận vốn hợp tác đầu tư từ Công ty TNHH MTV Đầu tư Nước SGN với số tiền 220 tỷ VND, theo đó Công ty sẽ tìm kiếm các công ty hoạt động trong ngành nước và các ngành liên quan đến ngành nghề kinh doanh của các bên để đầu tư dưới hình thức mua lại cổ phần, phần vốn góp nhằm mục đích tham gia quản lý điều hành tại công ty mục tiêu. Công ty sẽ phân chia lại lợi nhuận khi nhận được lợi nhuận từ công ty mục tiêu theo tỷ lệ 50:50 với Công ty TNHH MTV Đầu tư Nước SGN.		



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)**17. Vay và nợ thuê tài chính****a. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn**

	30/06/2023		Phát sinh trong kỳ		01/01/2023	
	Nợ gốc VND	Giá trị có khả năng thanh toán VND	Tăng VND	Giảm VND	Nợ gốc VND	Giá trị có khả năng thanh toán VND
Khoản vay các bên khác						
Công ty Cổ phần Đầu tư T&D Việt Nam	291.093.110.068	291.093.110.068	-	-	291.093.110.068	291.093.110.068
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh KCN Biên Hòa	18.922.956.380	18.922.956.380	49.856.849.127	52.124.064.407	21.190.171.660	21.190.171.660
Khoản vay bên liên quan						
Công ty Cổ phần Cấp Nước Sài Gòn Đan Kia	9.000.000.000	9.000.000.000	9.000.000.000	-	-	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Cầu đường CII	-	-	8.000.000.000	27.000.000.000	19.000.000.000	19.000.000.000
Ông Nguyễn Văn Thành	-	-	3.000.000.000	3.000.000.000	-	-
Các khoản vay và nợ dài hạn đến hạn trả (<i>xem thuyết minh b</i>)	34.000.000.000	34.000.000.000			28.000.000.000	28.000.000.000
Cộng	353.016.066.448	353.016.066.448	69.856.849.127	82.124.064.407	359.283.281.728	359.283.281.728

b. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn

	30/06/2023		Phát sinh trong kỳ		01/01/2023	
	Nợ gốc VND	Giá trị có khả năng thanh toán VND	Tăng VND	Giảm VND	Nợ gốc VND	Giá trị có khả năng thanh toán VND
Vay ngân hàng						
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh KCN Biên Hòa	488.217.606.012	488.217.606.012	-	12.000.000.000	500.217.606.012	500.217.606.012
Cộng	488.217.606.012	488.217.606.012	-	12.000.000.000	500.217.606.012	500.217.606.012
Trừ: Các khoản vay và nợ dài hạn phải trả trong vòng 12 tháng	(34.000.000.000)	(34.000.000.000)			(28.000.000.000)	(28.000.000.000)
Cộng	454.217.606.012	454.217.606.012			472.217.606.012	472.217.606.012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)**17. Vay và nợ thuê tài chính** (tiếp theo)**Thông tin bổ sung cho các khoản vay**

Bên cho vay	Số dư	Thời hạn vay	Ngày đáo hạn	Lãi suất vay	Mục đích vay	Tài sản đảm bảo
Vay ngắn hạn						
Công ty Cổ phần Đầu tư T&D Việt Nam	291.093.110.068	12 tháng	22/07/2024	Lãi suất cố định 11,5%/năm	Bổ sung vốn lưu động	Khoản vay không có tài sản đảm bảo.
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh KCN Biên Hòa	18.922.956.380	3 tháng	Theo từng giấy nhận nợ	Thả nổi, lãi suất trong kỳ là 9%/năm	Bổ sung vốn lưu động	Toàn bộ tài sản và quyền tài sản của Dự án Củ Chi và 409.114 cổ phần của Công ty Cổ phần B.O Nước Thủ Đức
Công ty Cổ phần Cấp Nước Sài Gòn Đan Kìa	9.000.000.000	3 tháng	08/09/2023	Lãi suất từ 11% đến 11,5%/năm	Bổ sung vốn lưu động	Khoản vay không có tài sản đảm bảo.
Vay dài hạn						
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh KCN Biên Hòa	332.797.939.474	126 tháng	27/01/2031	Thả nổi, lãi suất trong kỳ dao động từ 9,5%-10,2%/năm	Tài trợ cho Dự án Củ Chi	Toàn bộ tài sản và quyền tài sản của Dự án Củ Chi
	155.419.666.538	180 tháng	28/06/2032			
Lịch thanh toán nợ vay ngân hàng						
		30/06/2023	VND	01/01/2023	VND	
Trong vòng một năm		34.000.000.000		28.000.000.000		
Trong năm thứ hai		40.000.000.000		36.000.000.000		
Từ năm thứ ba đến năm thứ năm		182.000.000.000		168.500.000.000		
Sau năm năm		232.217.606.012		267.717.606.012		
		488.217.606.012		500.217.606.012		
		(34.000.000.000)		(28.000.000.000)		
Trừ: số phải trả trong vòng 12 tháng		454.217.606.012		472.217.606.012		
Cộng						

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)**18. Vốn chủ sở hữu****a. Bảng đối chiếu biến động vốn chủ sở hữu**

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Lỗi lũy kế VND	Cộng VND
Tại ngày 01/01/2022	645.221.040.000	161.811.551.600	16.623.462.173	81.996.852.879	905.652.906.652
Lỗi trong kỳ	-	-	-	(29.822.792.611)	(29.822.792.611)
Tại ngày 30/06/2022	645.221.040.000	161.811.551.600	16.623.462.173	52.174.060.268	875.830.114.041
Lỗi trong kỳ	-	-	-	(80.816.455.585)	(80.816.455.585)
Tại ngày 01/01/2023	645.221.040.000	161.811.551.600	16.623.462.173	(28.642.395.317)	795.013.658.456
Lợi nhuận trong kỳ	-	-	-	16.678.055.480	16.678.055.480
Tại ngày 30/06/2023	645.221.040.000	161.811.551.600	16.623.462.173	(11.964.339.837)	811.691.713.936

b. Cổ phiếu

	30/06/2023	01/01/2023
	Cổ phiếu	Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	64.522.104	64.522.104
Số lượng cổ phiếu đã phát hành ra công chúng	64.522.104	64.522.104
+ Cổ phiếu phổ thông	64.522.104	64.522.104
Số lượng cổ phiếu đã mua lại (cổ phiếu quỹ)	-	-
+ Cổ phiếu phổ thông	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	64.522.104	64.522.104
+ Cổ phiếu phổ thông	64.522.104	64.522.104

Mệnh giá cổ phiếu: 10.000 VND/cổ phiếu

c. Cổ tức

Theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông ngày 27 tháng 4 năm 2023, Công ty không chia cổ tức và trích lập quỹ năm 2022.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

1.	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	Từ 01/01/2023	Từ 01/01/2022
		đến 30/06/2023	đến 30/06/2022
		VND	VND
	Doanh thu cung cấp nước sạch	56.440.649.715	54.454.419.215
	Doanh thu cung cấp dịch vụ khác	1.012.736.410	479.700.409
	Cộng	57.453.386.125	54.934.119.624
2.	Giá vốn hàng bán	Từ 01/01/2023	Từ 01/01/2022
		đến 30/06/2023	đến 30/06/2022
		VND	VND
	Giá vốn cung cấp nước sạch	74.049.957.905	72.915.730.781
	Giá vốn cung cấp dịch vụ khác	348.300.140	259.957.177
	Cộng	74.398.258.045	73.175.687.958
3.	Doanh thu hoạt động tài chính	Từ 01/01/2023	Từ 01/01/2022
		đến 30/06/2023	đến 30/06/2022
		VND	VND
	Cổ tức được chia	99.085.192.000	42.660.000.000
	Lãi tiền gửi, tiền cho vay	2.927.358	9.848.477
	Lãi chuyển nhượng khoản đầu tư tài chính	-	2.700.000.000
	Chiết khấu thanh toán	-	332.902.090
	Cộng	99.088.119.358	45.702.750.567
	<i>Trong đó, doanh thu phát sinh từ giao dịch với các bên liên quan</i>		
	Công ty Cổ phần Đầu tư Nước Tân Hiệp	72.240.000.000	30.960.000.000
	Công ty Cổ phần Cấp nước Sài Gòn Đan Kia	10.800.000.000	11.700.000.000
	Công ty Cổ phần Cấp thoát Nước Gia Lai	4.590.000.000	-
	Cộng	87.630.000.000	42.660.000.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)**4. Chi phí tài chính**

	Từ 01/01/2023 đến 30/06/2023 VND	Từ 01/01/2022 đến 30/06/2022 VND
Chi phí lãi vay	42.770.679.789	40.681.756.076
Dự phòng tổn thất đầu tư tài chính	2.550.000.000	-
Chi phí tài chính khác	16.615.800	16.615.800
Cộng	45.337.295.589	40.698.371.876

Trong đó, chi phí phát sinh từ giao dịch với các bên liên quan

Công ty Cổ phần Cấp nước Sài Gòn Đan Kìa	205.582.193	435.872.878
Công ty Cổ phần Đầu tư Cầu đường CII	834.238.356	-
Ông Nguyễn Văn Thành	34.027.397	-
Công ty CII	-	8.064.579.213
Cộng	1.073.847.946	8.500.452.091

5. Chi phí bán hàng

	Từ 01/01/2023 đến 30/06/2023 VND	Từ 01/01/2022 đến 30/06/2022 VND
Chi phí nhân viên bán hàng	5.464.845.894	5.253.035.574
Chi phí khấu hao tài sản cố định	165.522.330	165.522.331
Chi phí dịch vụ mua ngoài	208.282.837	335.105.919
Các khoản chi phí khác	196.427.717	24.444.003
Cộng	6.035.078.778	5.778.107.827

6. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Từ 01/01/2023 đến 30/06/2023 VND	Từ 01/01/2022 đến 30/06/2022 VND
Chi phí nhân viên quản lý	5.780.292.905	5.616.055.959
Chi phí khấu hao tài sản cố định	-	57.371.203
Chi phí dự phòng	5.381.594.666	2.446.866.169
Chi phí dịch vụ tư vấn quản lý	660.000.000	660.000.000
Các khoản chi phí khác	2.240.107.382	2.046.941.934
Cộng	14.061.994.953	10.827.235.265

Trong đó, chi phí phát sinh từ giao dịch với các bên liên quan

Công ty Cổ phần Đầu tư Cầu đường CII	332.002.664	324.092.642
--------------------------------------	-------------	-------------

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)**7. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành**

	Từ 01/01/2023 đến 30/06/2023 VND	Từ 01/01/2022 đến 30/06/2022 VND
Lợi nhuận/(lỗ) kế toán trước thuế	16.678.055.480	(29.822.792.611)
Các khoản điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế		
Cộng: Các khoản chi phí không hợp lý, hợp lệ	14.744.967.960	27.316.920.767
Trừ: Cổ tức, lợi nhuận được chia	(99.085.192.000)	(42.660.000.000)
Lỗ tính thuế	(67.662.168.560)	(45.165.871.844)
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	-	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp bị truy thu	-	-
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	-	-

VII. THÔNG TIN KHÁC**1. Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và bộ phận theo khu vực địa lý****Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh**

Hoạt động chính của Công ty là sản xuất và kinh doanh nước sạch; mua bán vật tư, thiết bị chuyên ngành cấp nước. Thông tin tài chính trình bày trên Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 30 tháng 6 năm 2023 và toàn bộ doanh thu, chi phí trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc cùng ngày là liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh nói trên. Theo đó, không có báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh cần phải trình bày. Doanh thu, giá vốn theo từng hoạt động sản xuất kinh doanh được trình bày tại các Thuyết minh số VI.1 và VI.2.

Bộ phận theo khu vực địa lý

Toàn bộ hoạt động kinh doanh của Công ty phát sinh trong địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam. Do đó, Công ty không lập báo cáo bộ phận kinh doanh theo khu vực địa lý.

2. Bên liên quan**Bên liên quan**

Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Gia Lai
 Công ty Cổ phần Cấp nước Sài Gòn - Đankia
 Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Củ Chi
 Công ty TNHH MTV Đầu tư Nước SGN
 Công ty Cổ phần Kỹ thuật Enviro
 Công ty Cổ phần Đầu tư Nước Tân Hiệp
 Công ty Cổ phần nước Sài Gòn - An Khê
 Công ty Cổ phần Cấp nước Sài Gòn - Pleiku
 Ông Nguyễn Văn Thành
 Ông Lê Văn Nam

Mối quan hệ

Công ty con
 Công ty con
 Công ty con
 Công ty con
 Công ty con
 Công ty liên kết
 Công ty liên kết
 Công ty liên kết
 Tổng Giám đốc Công ty
 Phó Tổng Giám đốc Công ty

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023

VII. THÔNG TIN KHÁC (tiếp theo)**2. Bên liên quan** (tiếp theo)

Ngoài các số dư và giao dịch với các bên liên quan đã được trình bày tại các thuyết minh khác của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ, trong kỳ Công ty còn có các giao dịch chủ yếu khác với bên liên quan như sau:

	Từ 01/01/2023 đến 30/06/2023 VND	Từ 01/01/2022 đến 30/06/2022 VND
Công ty Cổ phần Đầu tư Cầu đường CII (i)		
Trả tiền hỗ trợ vốn	27.000.000.000	-
Nhận tiền hỗ trợ vốn	8.000.000.000	-
Chuyển trả tiền lãi hỗ trợ vốn	834.238.356	-
Công ty Cổ phần Cấp thoát Nước Gia Lai		
Nhận tiền cổ tức	4.590.000.000	-
Công ty Cổ phần Cấp nước Sài Gòn Đan Kìa		
Nhận tiền hỗ trợ vốn	9.000.000.000	5.895.000.000
Nhận tiền cổ tức	3.300.000.000	11.700.000.000
Trả tiền hỗ trợ vốn	-	1.500.000.000
Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Củ Chi		
Chuyển tiền hỗ trợ vốn	15.000.000	10.000.000
Công ty Cổ phần Cấp nước Sài Gòn - Pleiku		
Chuyển tiền hỗ trợ vốn	22.300.000.000	8.500.000.000
Thu hồi tiền hỗ trợ vốn	1.200.000.000	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Nước Tân Hiệp		
Nhận tiền cổ tức	72.240.000.000	30.960.000.000
Ông Nguyễn Văn Thành		
Nhận tiền hỗ trợ vốn	3.000.000.000	-
Trả tiền hỗ trợ vốn	3.000.000.000	-
Chuyển trả tiền lãi hỗ trợ vốn	34.027.397	-

(i) Ngày 26 tháng 6 năm 2023 Công ty không còn là công ty con của Công ty CII, do đó Công ty Cổ phần Đầu tư Cầu đường CII không còn là bên liên quan của Công ty kể từ ngày này.

Thu nhập của Ban Tổng Giám đốc được hưởng trong kỳ

Họ và tên	Chức vụ	Từ 01/01/2023 đến 30/06/2023 VND	Từ 01/01/2022 đến 30/06/2022 VND
Ông Nguyễn Văn Thành	Tổng Giám đốc	726.918.256	646.677.500
Ông John Walter E.Tendencia	Phó Tổng Giám đốc	330.000.000	330.000.000
Ông Lê Văn Nam	Phó Tổng Giám đốc	482.805.700	485.517.500
Bà Nguyễn Thị Hồng Hạnh	Giám đốc Tài chính	467.553.525	443.017.500
Cộng		2.007.277.481	1.905.212.500

Trong kỳ, Công ty không chi trả thù lao cho Hội đồng Quản trị và Ban kiểm soát.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023

VII. THÔNG TIN KHÁC (tiếp theo)**3. Cam kết thuê hoạt động**

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, Công ty có các hợp đồng thuê không thể hủy ngang, theo đó khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu phải thu trong tương lai của các hợp đồng cho thuê hoạt động như sau:

	30/06/2023 VND	01/01/2023 VND
Trong vòng một năm	485.000.000	725.000.000
Từ năm thứ hai đến năm thứ năm	180.000.000	360.000.000
Cộng	665.000.000	1.085.000.000

Các khoản thanh toán thuê hoạt động thể hiện:

- Tổng số tiền thuê văn phòng tại số 477-479 An Dương Vương, Phường 11, Quận 6, TP. Hồ Chí Minh với giá thuê 50.000.000 đồng/tháng. Hợp đồng thuê văn phòng được ký với thời hạn 1 năm tính từ năm 2021 và phụ lục gia hạn đến ngày 31 tháng 10 năm 2023.
- Tổng số tiền thuê văn phòng tại số 928, Quốc lộ 22, ấp Bàu Tre 2, xã Tân An Hội, huyện Củ Chi, TP. Hồ Chí Minh với giá thuê 15.000.000 đồng/tháng. Hợp đồng thuê văn phòng được ký với thời hạn 5 năm và sẽ đến hạn ngày 1 tháng 7 năm 2025.
- Tổng số tiền thuê kho tại số 67 Nguyễn Văn Ni, tổ 10 khu phố 2, huyện Củ Chi, TP. Hồ Chí Minh với giá thuê 10.000.000 đồng/tháng. Hợp đồng thuê kho được ký với thời hạn 1 năm và được gia hạn hàng năm.

4. Sự kiện sau ngày kết thúc kỳ kế toán

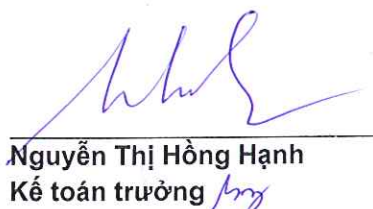
Không có sự kiện quan trọng nào xảy ra sau ngày kết thúc kỳ kế toán cần được điều chỉnh hoặc công bố trên báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

5. Số liệu so sánh

Số liệu so sánh là số liệu của báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022, báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022 đã được kiểm toán và soát xét.



Nguyễn Thị Thanh Bình
Người lập biểu



Nguyễn Thị Hồng Hạnh
Kế toán trưởng



Nguyễn Văn Thành
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 8 năm 2023